

Số: /QĐ-BMTE

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (lần 1) của
Cục Bà mẹ và Trẻ em

CỤC TRƯỞNG CỤC BÀ MẸ VÀ TRẺ EM

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BYT ngày 04/03/2025 của Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bà mẹ và Trẻ em;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Thông tư 88/2024/TT-BTC ngày 21/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-BYT ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt giao dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2024 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1775/QĐ-BYT ngày 29/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc điều chỉnh dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2024 để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-BYT ngày 04/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Cục tại Phiếu trình ngày 09/06/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước được giao năm 2025 của Cục Bà mẹ và Trẻ em (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Các Ông/Bà: Chánh Văn phòng Cục; Trưởng phòng các phòng thuộc Cục; Trưởng các đơn vị chi tiêu qua Văn phòng Cục thuộc Cục và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Phó Cục trưởng (để biết);
- Quản trị Web của cục (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP.

CỤC TRƯỞNG

Đinh Anh Tuấn

PHỤ LỤC 1: KINH PHÍ LOẠI 130 KHOẢN 131 DỰ ÁN 7
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BMTE ngày tháng 06 năm 2025)

CỤC BÀ MẸ VÀ TRẺ EM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Kinh phí	Ghi chú
A	B		2
	Loại 130, Khoản 131, dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em. Mã số: 0517		
1	Ký Hợp đồng trách nhiệm với Bệnh viện Từ Dũ để Tổ chức Hợp thẩm định tử vong mẹ cho các tỉnh phía Nam	40.000.000	
2	Ký Hợp đồng trách nhiệm với Bệnh viện Từ Dũ để Tổ chức các lớp tập huấn về thẩm định tử vong mẹ cho các tỉnh phía Nam	250.000.000	
3	Hợp hội đồng Trung ương về thẩm định tử vong mẹ, tử vong sơ sinh	50.000.000	
4	Tập huấn hướng dẫn thực hiện truyền thông trực tiếp về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên	1.070.000.000	
	Tổng cộng	1.410.000.000	

PHỤ LỤC 2: CÁC NGUỒN KINH PHÍ KHÁC
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BMTE ngày tháng 06 năm 2025)

CỤC BÀ MẸ VÀ TRẺ EM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị: đồng

LOẠI	KHOẢN	NỘI DUNG	Dự toán giao		
			Tổng cộng	Dự toán chuyển nguồn từ năm 2024	Dự toán trong năm 2025
A	B	C	3=4+5	4	5
01		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NGUỒN VỐN TRONG NƯỚC)	6.924.511.354	1.191.648.196	5.732.863.158
130		Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	3.216.790.621	696.790.621	2.520.000.000
	131	Y tế dự phòng	2.520.000.000	-	2.520.000.000
		Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	2.520.000.000	-	2.520.000.000
	131	CTMT phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	696.790.621	696.790.621	-
		Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	696.790.621	696.790.621	-
		<i>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em. Mã số 0517</i>	696.790.621	696.790.621	-
280		CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	119.110.675	119.110.675	-
	338	Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác	119.110.675	119.110.675	-
		CTMT phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	119.110.675	119.110.675	-
		Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	119.110.675	119.110.675	-
		<i>Dự án 10: Nội dung "Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình: Mã số 00521.</i>	119.110.675	119.110.675	-

070		GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	375.746.900	375.746.900	-
	098	Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác	375.746.900	375.746.900	-
		CTMT xây dựng nông thôn mới	320.000.000	320.000.000	-
		Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	320.000.000	320.000.000	-
		<i>Dự án 3. Mã số 00502</i>	<i>320.000.000</i>	<i>320.000.000</i>	-
		CTMTQG Giảm nghèo bền vững	55.746.900	55.746.900	-
		Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	55.746.900	55.746.900	-
		<i>Tiểu Dự án 2, Dự án 7. Mã số 00477</i>	<i>55.746.900</i>	<i>55.746.900</i>	-
340		HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	3.212.863.158	-	3.212.863.158
		Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	3.044.536.310	-	3.044.536.310
		Quỹ lương	2.380.201.726	-	2.380.201.726
		<i>Trong đó kinh phí TK 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>33.284.000</i>	-	<i>33.284.000</i>
		<i>Chi theo định mức</i>	<i>631.050.584</i>	-	<i>631.050.584</i>
		Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	168.326.848	-	168.326.848
		<i>Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP</i>	<i>168.326.848</i>	-	<i>168.326.848</i>